

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025 - Trường Đại học Quốc tế - ĐHQG.HCM

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành/ nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
TỔNG CHỈ TIÊU TUYỂN SINH					2000			
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC DO TRƯỜNG ĐHQT CẤP BẰNG					1610			
1	IU01	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	90	Phương thức 1, 2 và 3	-Toán, Lịch sử, Tiếng Anh -Toán, Địa lí, Tiếng Anh -Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh -Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh -Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	Thí sinh được nhân 2 điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển.
2	IU02	Kinh doanh – Quản lý – Kinh tế <i>Nhóm ngành: Quản trị kinh doanh; Marketing; Tài chính – Ngân hàng; Kế toán; Kinh tế (Phân tích dữ liệu trong kinh tế)</i>	7340101 (mã ngành đại diện)	Quản trị kinh doanh (tên ngành đại diện)	530	Phương thức 1, 2 và 3	-Toán, Vật Lí, Tiếng Anh -Toán, Hóa học, Tiếng Anh -Toán, Lịch sử, Tiếng Anh -Toán, Địa lí, Tiếng Anh -Toán, Tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật -Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh	Thí sinh được nhân 1,5 điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển.
3	IU03	Toán – Tin học <i>Nhóm ngành: Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Khoa học dữ liệu; Toán ứng dụng (Kỹ thuật Tài chính và Quản trị rủi ro); Thống kê (Thống kê ứng dụng)</i>	7480201 (mã ngành đại diện)	Công nghệ thông tin (tên ngành đại diện)	240	Phương thức 1, 2 và 3	-Toán, Vật lí, Hoá học -Toán, Vật lí, Tiếng Anh -Toán, Tin học, Tiếng Anh -Toán, Tin học, Vật lí -Toán, Tin học, Hoá học	
4	IU04	Khoa học sự sống và Hóa học <i>Nhóm ngành: Công nghệ sinh học; Công nghệ thực phẩm; Hóa học (Hóa sinh); Kỹ thuật hóa học</i>	7420201 (mã ngành đại diện)	Công nghệ sinh học (tên ngành đại diện)	250	Phương thức 1, 2 và 3	-Toán, Vật lí, Hóa học -Toán, Hóa học, Sinh học -Toán, Hóa học, Tiếng Anh -Toán, Sinh học, Tiếng Anh -Ngữ Văn, Hóa học, Sinh học -Ngữ Văn, Hóa học, Tiếng Anh -Ngữ Văn, Sinh học, Tiếng Anh	

5	IU05	Kỹ thuật <i>Nhóm ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; Kỹ thuật điện tử – viễn thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật không gian (Phân tích và ứng dụng dữ liệu lớn); Kỹ thuật xây dựng; Quản lý xây dựng</i>	7520207 (mã ngành đại diện)	Kỹ thuật điện tử – viễn thông (tên ngành đại diện)	500	Phương thức 1, 2 và 3	-Toán, Vật Lí, Hóa Học -Toán, Vật Lí, Tiếng Anh -Toán, Hóa Học, Sinh Học -Toán, Hóa Học, Tiếng Anh -Toán, Sinh Học, Tiếng Anh -Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh	
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO LIÊN KẾT VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NƯỚC NGOÀI					390			
1	AP01	Ngôn ngữ Anh (Chương trình liên kết với ĐH West of England (2+2, 3+1,4+0))	7220201	Ngôn ngữ Anh	90	Phương thức 1, 2 và 3	-Toán, Lịch sử, Tiếng Anh -Toán, Địa Lí, Tiếng Anh -Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh -Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh -Ngữ văn, Địa Lí, Tiếng Anh	Thí sinh được nhân 2 điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển.
2	AP02	Kinh doanh – Quản lý – Kinh tế Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH Andrews) (4+0); Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH Công nghệ Auckland) (1+2/1.5+1.5); Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH Lakehead) (2+2); Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH New South Wales) (2+2); Quản trị kinh doanh	7340101 (mã ngành đại diện)	Quản trị kinh doanh (tên ngành đại diện)	210	Phương thức 1, 2 và 3	-Toán, Vật Lí, Tiếng Anh -Toán, Hóa học, Tiếng Anh -Toán, Lịch sử, Tiếng Anh -Toán, Địa Lí, Tiếng Anh -Toán, Tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật -Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh	Thí sinh được nhân 1,5 điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển.

		(CTLK với ĐH Sydney) (2+2); Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH West of England) (2+2); Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH West of England) (4+0); Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH Macquarie) (2+1); Tài chính (CTLK với ĐH Macquarie) (2+1); Kế toán (CTLK với ĐH Macquarie) (2+1))						
3	AP03	Toán – Tin học Công nghệ thông tin (CTLK với ĐH West of England) (4+0); Công nghệ thông tin (CTLK với ĐH Macquarie) (2+1); Khoa học máy tính (CTLK với ĐH West of England) (2+2); Công nghệ thông tin (CTLK với ĐH Deakin) (2+2); Công nghệ thông tin (CTLK với ĐH Deakin) (3+1)	7480201 (mã ngành đại diện)	Công nghệ thông tin (tên ngành đại diện)	40	Phương thức 1, 2 và 3	-Toán, Vật lí, Hoá học -Toán, Vật lí, Tiếng Anh -Toán, Tin học, Tiếng Anh -Toán, Tin học, Vật lí -Toán, Tin học, Hoá học	
4	AP04	Khoa học sự sống và Hóa học Công nghệ sinh học (CTLK với ĐH West of England) (2+2); Công nghệ sinh học	7420201 (mã ngành đại diện)	Công nghệ sinh học (tên ngành đại diện)	20	Phương thức 1, 2 và 3	-Toán, Vật lí, Hóa học -Toán, Hóa học, Sinh học -Toán, Hóa học, Tiếng Anh -Toán, Sinh học, Tiếng Anh -Ngữ Văn, Hóa học, Sinh học -Ngữ Văn, Hóa học, Tiếng Anh	

		định hướng Y Sinh (<i>CTLK với ĐH West of England</i>) (4+0)					-Ngữ Văn, Sinh học, Tiếng Anh	
5	AP05	Kỹ thuật Kỹ thuật điện tử – viễn thông (<i>CTLK với ĐH West of England</i>) (2+2); Kỹ thuật xây dựng (<i>CTLK với ĐH Deakin</i>) (2+2))	7520207 (<i>mã ngành đại diện</i>)	Kỹ thuật điện tử – viễn thông (<i>tên ngành đại diện</i>)	30	Phương thức 1, 2 và 3	-Toán, Vật Lí, Hóa Học -Toán, Vật Lí, Tiếng Anh -Toán, Hóa Học, Sinh Học -Toán, Hóa Học, Tiếng Anh -Toán, Sinh Học, Tiếng Anh -Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh	